TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS - ST
Ngày: 27/6/2023.
"V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hằng;
2. Bà Ngô Thị Luân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đàm Thị Thu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị M**, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 1/5, xã Phú S, huyện L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Phạm Huyền Tr**, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số 716 H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. Theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2022.

Bị đơn: Bà **Phan Thị Thu T (L)**, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 1/5, xã Phú S, huyện L, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đặng Hùng S**, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 1/5, xã Phú S, huyện L, tỉnh L. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đại Bình, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Tr và ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà T (L) đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Huyền Tr trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, vào ngày 29 tháng 12 năm 2019 âm lịch bà M

có cho là T (L) vay số tiền là 170.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/01 tháng và bà M cho bà Th vay thêm 30 chỉ vàng 9999 lãi suất 50.000đ/ 01 chỉ/ 01 tháng.

Ngày 02/02/2020 bà Th có mượn của bà M số tiền 300.000.000đ và 42 chỉ vàng 9999.

Ngày 22/02/2022, bà Th vay thêm của bà M số tiền 20.000.000đ. Số tiền vay này thì ngày 22/02/2021, bà Th có trả lại được cho bà M số tiền 6.000.000đ, còn nợ lại 14.000.000đ.

Mỗi lần vay tiền thì bà Th đều có tự viết giấy vay với bà M, hẹn đến tháng 12/2021 bà Th sẽ trả hết cho bà M tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Mặc dù hai bên có thỏa thuận lãi nhưng từ đó đến nay bà M vẫn chưa nhận được khoản tiền lãi nào từ bà Th . Quá hạn trả nợ, mặc dù bà M đã đòi nhiều lần nhưng bà Th không trả nợ vay. Do vậy, bà M đã làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Th trả nợ vay gốc tổng cộng là 484.000.000đ và 72 chỉ vàng 9999 cùng với tiền lãi vay của khoản vay 170.000.000đ và 300.000.000đ tính 0,83%/01 tháng từ ngày vay tổng cộng tiền lãi là 105.327.000đ. Tuy nhiên, nay bà M xác định chỉ yêu cầu bà Th trả nợ vay gốc; còn đối với khoản tiền lãi bà M đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà M không yêu cầu gì thêm.

Việc vay tiền và vàng chỉ có bà M và bà T (L) vợ ông S thỏa thuận với bà, ông S có biết nhưng không liên quan gì đối với việc vay tiền giữa bà M và bà Th .

***Bị đơn bà Phan Thị Thu T (L)*:** Qua xác minh của Tòa án thì xác định, hiện nay bà Th không thường xuyên có mặt tại nhà do vậy Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà Th đều vắng mặt không có lý do.

Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hùng S trình bày: Ông là chồng bà Phan Thị Thu Th ; bà M là hàng xóm với vợ chồng ông, bà tại địa phương. Bà Th có tên thường gọi khác là Liễu (Phan Thị Liễu). Việc bà M và bà Th có có thỏa thuận và giao dịch vay tiền, vàng thế nào thì ông không biết. Nay, bà M khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả số tiền nợ vay gốc, tiền vay và khoản nợ lãi của số tiền vay tổng cộng là 978.127.000đ thì ông xác định ông không vay tiền của bà M và không có liên quan gì đến tranh chấp giữa bà M với bà Th . Trường hợp bà Th có vay tiền và vàng của bà M thì phải có trách nhiệm trả nợ theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà T (L) vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, của Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ

luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M; buộc bà Th phải trả cho bà M số tiền vay là 484.000.000đ và 72 chỉ loại vàng loại 9999.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu bà Th phải trả lãi vay của khoản vay 170.000.000đ và 300.000.000đ tính 0,83%/01 tháng từ ngày vay tổng cộng là 105.327.000đ.

Về án phí: Buộc bà Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với khoản tiền và vàng mà bà Th phải trả cho bà M theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đại diện nguyên đơn là chị Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phan Thị Thu T (L) đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, cần căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo yêu cầu khởi kiện thì bà M cho rằng, do bà có cho bà T (L) vay tiền và vàng nhưng quá hạn trả nợ, bà Th không trả nợ vay cho bà theo đúng thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th phải trả nợ vay. Do vậy, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự*:

[3.1] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M thì nhận thấy: Bà M cho rằng, bà T (L) có 03 lần vay tiền và vàng của bà, trong đó ngày 29/12/2019 âm lịch, bà Th vay số tiền 170.000.000đ và 30 chỉ vàng 9999; ngày 02/02/2020 bà Th vay số tiền 300.000.000đ và 42 chỉ vàng 9999; ngày 22/02/2022, bà Th vay thêm của bà M số tiền 20.000.000đ. Tuy nhiên, ngày 22/02/2021, bà Th có trả lại được cho bà M số tiền vay là 6.000.000đ. Như vậy, tổng các lần vay thì bà Th còn nợ bà M số tiền gốc là 484.000.000đ và 72 chỉ vàng 9999. Các lần vay thì bà Th đều có ghi giấy với bà M. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trong đó giấy ghi ngày 30/12/2019 âm lịch thể hiện nội dung *"30-12-2019 âm lịch Phan Thị Liễu chồng Đặng Hùng S có mượn anh chị M Tuyển 170.000.000đ một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn lãi xuất 2,5 với 03 cây vàng lãi xuất 50 ngàn tháng",* phần dưới giấy ghi có chữ ký ghi họ tên *"Phan Thị Liễu"*; theo giấy ghi ngày 02/02/2020 thể hiện nội dung *"Liễu có mượn chị M 300.000.000 ba trăm triệu 4 cây hai vàng"* và giấy ghi ngày 20/02/2021 thể hiện nội dung *"Liễu 20.000.000"* có chữ ký *"Liễu"* bên dưới nội dung ghi này và phần tiếp theo giấy ghi *"Liễu trả 6.000.000"*. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã xác minh địa phương cũng như chồng bà T (L) xác định bà Phan Thị Thu Th có tên

thường gọi là Phan Thị Liễu. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cho bà Th nhưng bà Th không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến liên quan. Trong khi đó, trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì bà Th có mặt tại địa phương và vợ chồng ông S, bà Th đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh Vũ, bà Phạm Thu Th thì bà M có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời *"Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ"* nên người nhận chuyển nhượng đất là vợ chồng ông Vũ, bà Th có đơn yêu cầu luật sư và văn bản trình bày ý kiến nộp đến Tòa án để yêu cầu giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản nhận chuyển nhượng bị phong tỏa. Do vậy, bà Th biết được về việc bà M tranh chấp và khởi kiện bà Th tại Tòa án nhưng bà Th không có ý kiến gì. Bà Th là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên đủ nhận thức pháp lý về nội dung tranh chấp; đủ năng lực để chịu trách nhiệm về giao dịch dân sự do bà thực hiện nhưng bà vẫn không có ý kiến gì đối với nội dung bà M khởi kiện bà T (L) về khoản nợ vay. Do đó, có cơ sở xác định bà T (L) có vay và nợ tiền, vàng của bà M như yêu cầu khởi kiện của bà M nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà T (L) phải trả cho bà M số tiền vay gốc là 484.000.000đ và 72 chỉ vàng 9999 là phù hợp.

Ngoài ra, việc bà M cho bà T (L) vay các khoản liên quan đến tranh chấp trong vụ án này thì bà M và ông S (chồng bà Th) cùng xác định, giao dịch vay là giữa bà M với T (L), không liên quan đến ông S hay ai khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Đối với việc bà M yêu cầu bà Th trả nợ lãi thì 26/6/2023, nguyên đơn bà M đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi của các khoản vay của bà M. Do vậy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu bà Th phải trả lãi vay của khoản vay 170.000.000đ và 300.000.000đ tính 0,83%/01 tháng từ ngày vay tổng cộng là 105.327.000đ.

[3.3] Việc bà M yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với vợ chồng ông S, bà T (L) và được Tòa án chấp nhận tại Quyết định số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30/5/2022 về việc "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ"* đối với diện tích là 2.702m^2 đất thuộc một phần thửa 39 bản đồ 34 tọa lạc tại xã Phú S, huyện Lâm Hà; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 378758 ngày 25/4/2012 và được điều chỉnh Tr 4 ngày 25/4/2012 sang tên bà Phan Thị Thu Th . Sau đó người nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông S, bà Th là vợ chồng ông Nguyễn Thanh Vũ, bà Phạm Thu Th có ý kiến đến Tòa án liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà các bên tham gia giao dịch. Tòa án đã đưa vợ chồng ông Vũ, bà Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét ý kiến, yêu cầu của đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, đến ngày 13/10/2022, bà M đã có đơn yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do vậy, ngày 14/10/2022 Tòa án đã ban hành Quyết định số 07/2022/QĐ-BPKCTT về việc hủy bỏ Quyết định số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định số 07/2022/QĐ-

BPKCTT ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà cho vợ chồng ông Vũ, bà Th và đương sự không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì. Nhận thấy quyền lợi, nghĩa vụ của ông Vũ, bà Th không còn liên quan đến nội dung tranh chấp của vụ án nên Tòa án không đưa vợ chồng ông Vũ, bà Th cũng như Văn phòng công chứng Ngô Văn Thao (dã thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông S, bà Th với vợ chồng ông Vũ, bà Th) vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp. Nay, các đương sự không có ý kiến hay tranh chấp gì liên quan đến Quyết định áp dụng và Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nêu trên nên Tòa án không đặt ra để xem xét.

[4] *Về chi phí tố tụng:* Chi phí cho việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của bà M để có cơ sở giải quyết đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà M là 7.700.000đ. Tuy nhiên, bà M có đơn yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên cần buộc bà M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nêu trên.

[5] V*ề án phí:* Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M nên buộc bị đơn bà Phan Thị Thu T (L) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: Số tiền bà Th trả cho bà M là 484.000.000đ; 72 chỉ vàng 9999 tại thời điểm ngày 27/6/2023 có đơn giá là 5.605.000đ/01 chỉ, tương đương số tiền là 403.560.000đ. Tổng giá trị tài sản bà T (L) phải trả cho bà M là 887.560.000đ. Do đó, cần buộc bà T (L) phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000đ + (887.560.000đ-800.000.000đ) x 3% = 38.626.800đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M đối với bà Phan Thị Thu T (L) về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Buộc bà Phan Thị Thu T (L) phải trả cho bà Bùi Thị M số tiền vay gốc là 484.000.000đ *(Bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng)* và 72 *(Bảy mươi hai)* chỉ vàng loại 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M về việc yêu cầu bà Phan Thị Thu T (L) phải trả lãi vay của khoản vay 170.000.000đ và 300.000.000đ tính 0,83%/01 tháng từ ngày vay, tổng cộng tiễn lãi là 105.327.000đ *(Một trăm lẻ năm triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng).*

2. *Về chi phí tố tụng:* Buộc bà Bùi Thị M phải chịu 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền này bà Bùi Thị M đã nộp đủ và đã được quyết toán xong.

3. *Về án phí*: Buộc bà Phan Thị Thu T (L) phải chịu 38.626.800đ *(Ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị M số tiền 20.672.000đ *(Hai mươi triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã được nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003217 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thị Luân - Trần Thị Hằng **Nguyễn Thế Anh**

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT – TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Anh